

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2020

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: không.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 05/TBMPT.TA ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Tuyết H, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- Bị đơn: Ông Đoàn Quốc T, sinh năm 1982, nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lương Thị Tuyết H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đoàn Quốc T được gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 20 tháng 9 năm 2011, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống được khoảng một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cự

cải thường xuyên. Từ ngày 18/11/2012 thì vợ chồng đã ly thân và không còn sống chung với nhau nữa, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Quốc T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Lương Yên L, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt, trong quá trình giải quyết bị đơn ông Đoàn Quốc T có ý kiến trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H có tổ chức lễ cưới vào ngày 20 tháng 9 năm 2011, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn theo như bà H trình bày, nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Lương Yên L, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012, ông tự nguyện giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Lương Thị Tuyết H vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Đoàn Thế T đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đoàn Quốc T có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Lương Thị Tuyết H và ông Đoàn Quốc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì “*Nam, nữ có*

điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Lương Yến L, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012. Bà H và ông T tự thỏa thuận quyền nuôi con và không cấp dưỡng, việc thỏa thuận này cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu L. Do đó công nhận sự thỏa thuận này, giao cho bà H quyền nuôi dưỡng con chung và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà không công nhận quan hệ vợ chồng của bà H và ông T mới phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về án phí: Bà Lương Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Đoàn Quốc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
- Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lương Thị Tuyết H đối với ông Đoàn Quốc T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Lương Thị Tuyết H và ông Đoàn Quốc T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đoàn Lương Yến L, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2012 cho bà Lương Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lương Thị Tuyết H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đoàn Quốc T quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0009173 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Lương Thị Tuyết H đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND thị trấn Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ